

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**NGUYỄN TRẦN HUY**

**PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**  
**KHÔNG KHÍ, QUA THỰC TIỄN**  
**TẠI QUẢNG TRỊ**

**Chuyên ngành: Luật kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Cao Đình Lành**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm  
luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật – Đại học  
Huế

Vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 16 tháng 06 năm 2019

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.....	2
4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu .....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn đề tài .....	3
7. Cơ cấu của đề tài.....	4
<b>PHẦN NỘI DUNG.....</b>	<b>4</b>
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ</b> .....	<b>4</b>
1.1. Lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	4
1.1.1. Khái niệm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường không khí, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	4
1.1.1.1. Khái niệm môi trường không khí .....	4
1.1.1.2. Khái niệm ô nhiễm môi trường không khí .....	4
1.1.1.3. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	5
1.1.2. Những yêu cầu đặt ra trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	5
1.1.3. Sự cần thiết phải kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	5
1.2. Lý luận của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. 5	
1.2.1. Khái niệm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí ....	5
1.2.2. Các nguyên tắc căn bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường.....	6
1.2.3. Các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	6
1.2.4. Nội dung pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .	7
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	<b>7</b>
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ</b> .....	<b>7</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí..	7
2.1.1. Nhóm quy định về quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường không khí .....	7
2.1.2. Các quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường không khí .....	8

2.1.2.1. Quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí.....	8
2.1.2.2. Quy định về phát triển bền vững nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí .....	9
2.1.2.3. Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường không khí.....	9
2.1.2.4. Quy định về quản lý khí thải phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí .....	10
2.1.2.5. Quy định về dự báo ô nhiễm môi trường không khí.....	11
2.1.2.6. Quy định về áp dụng các công cụ kinh tế nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí.....	11
2.1.2.7. Quy định về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và cơ chế phát triển sạch nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí.....	11
2.1.3. Các quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí .....	12
2.1.3.1. Quy định về quan trắc hiện trạng môi trường không khí.....	12
2.1.3.2. Các quy định về thông tin về tình hình môi trường không khí..	12
2.1.3.3. Các quy định về thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật môi trường không khí.....	13
2.1.4. Các quy định về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí.....	13
2.1.5. Quy định về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí .....	13
2.1.6. Quy định về xử lý hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.....	14
2.1.6.1. Trách nhiệm hành chính.....	14
2.1.6.2. Trách nhiệm hình sự.....	14
2.1.6.3. Trách nhiệm dân sự .....	14
2.1.6.4. Trách nhiệm kỷ luật .....	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại tỉnh Quảng Trị.....	15
2.2.1. Về tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường.....	15
2.2.2. Về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường.....	15
2.2.3. Về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí.....	17
2.2.4. Về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí .....	18
2.2.5. Về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí...	18
2.2.6. Về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.....	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	18
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ</b>	

<b>KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TẠI QUẢNG TRỊ .....</b>	<b>19</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.....	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại tỉnh Quảng trị .....	19
3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí .....	19
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị .....	20
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 .....</b>	<b>21</b>
<b>PHẦN KẾT LUẬN .....</b>	<b>23</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>25</b>



# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Không khí là một thành phần quan trọng cấu thành môi trường tự nhiên trái đất, cung cấp điều kiện thiết yếu đảm bảo sự hình thành, tồn tại, phát triển của con người và các sinh vật. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh của kinh tế xã hội, bên cạnh những thành tựu, nhân loại cũng đã và đang đối mặt với nhiều mặt trái, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí... gây biến đổi khí hậu và suy giảm tầng ozon,... đe dọa cuộc sống của con người cũng như sinh vật trên thế giới<sup>1</sup>.

Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm không khí trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, có thể thấy Luật quy định còn khá chung chung, nhiều thiếu sót, chưa mang tính hệ thống, thiếu minh bạch, thiếu cụ thể dẫn tới khó khả thi. Ví dụ: về nội hàm kiểm soát ô nhiễm không khí chưa được làm rõ, quy định về đánh giá tác động môi trường không khí còn thiếu sót dẫn tới nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh vẫn có thể lách qua các quy định pháp luật để không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; thiếu các quy định về phí bảo vệ môi trường với khí thải, về xác định thiệt hại môi trường không khí,... Bên cạnh đó, quy định về quy chuẩn môi trường không khí hiện nay đã lạc hậu so với khu vực và thế giới; chưa có quy định cụ thể về quy chuẩn môi trường không khí trong nhà. Những điểm thiếu sót hạn chế trong các quy định pháp luật đã gây khó khăn rất lớn cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như người dân trong kiểm soát ô nhiễm không khí. Ở góc độ cụ thể hơn, thực tiễn ô nhiễm không khí tại Quảng Trị trong những năm gần đây đã có sự gia tăng ngày càng nhanh. Từ những phân tích ở trên cho thấy, việc nghiên cứu pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí, cũng như thực tiễn thực hiện các quy định này ở Quảng Trị có tính cấp thiết rất cao. Do vậy, tôi lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến đề tài luận văn hiện có các công trình như: Bài viết "Các thách thức về ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta" của Phạm Ngọc Đăng, (2007), Tạp chí Môi trường, số 11; Cuốn sách *Môi trường không khí*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật của Phạm Ngọc Đăng (2003), Hà Nội; Bài viết “Mức phí

---

<sup>1</sup> Ngọc Khương, Kết quả hội nghị COP 19 “có thể chấp nhận được. Truy cập Chủ nhật, 14:19, ngày 24/11/2013., <http://vov.vn/The-gioi/Ket-qua-hoi-nghi-COP-19-co-the-chap-nhan-duoc/293716.vov>

nào cho một đơn vị chất gây ô nhiễm không khí” của tác giả Duy Đức (2007), *Tạp chí Môi trường*, số 7; Bài viết "Về quyền được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam hiện nay" của Bùi Đức Hiền (2011), *Tạp chí Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội; Bài viết “*Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về môi trường và định hướng triển khai*” của tác giả Bùi Đức Hiền, trong sách “*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Nền tảng chính trị, pháp lý cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong thời kỳ mới*”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, Hà Nội năm 2014; Bài viết “*Tác động của biến đổi khí hậu tới tự nhiên và đời sống xã hội*” của tác giả Trương Quang Học (2008), *Tạp chí Môi trường*; Bài viết “*Thực tiễn áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Chu Hoa, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, Hà Nội; Bài viết “*Mấy vấn đề lý luận về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí hiện nay*” của Bùi Đức Hiền, (2015), *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*; Bài viết “*Nguyên tắc bảo đảm sự phát triển bền vững*” của Phạm Hữu Nghị in trong *Kỷ yếu đề tài cấp Viện, Viện Nhà nước và Pháp luật*, Hà Nội, 2008, 10. Bài viết *Pháp luật môi trường về hoạt động nhập khẩu phế liệu ở Việt Nam*, Nguyễn Văn Phương (2007), *Luận án tiến sĩ luật học*; Bài viết “*Tiêu chí Thành phố bền vững về môi trường của các nước ASEAN – Thực trạng các đô thị vừa và nhỏ*” Nguyễn Thị Thanh Trâm (2010), *Tạp chí Môi trường*.

Như vậy, qua tổng quan các công trình nghiên cứu có thể thấy, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam. Đặc biệt là nghiên cứu về thực tiễn thực hiện các quy định đó tại Quảng Trị. Do vậy, nghiên cứu đề tài này là hoàn toàn có tính cấp thiết như mục 1 đã phân tích.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Đề tài đánh giá những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam, thông qua việc nghiên cứu thực tiễn thực hiện các quy định đó trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở đó, sẽ kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này tại Quảng Trị trong thời gian tới.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đặt ra, luận văn xác định các nhiệm vụ sau đây: Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận căn bản về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, như: Khái niệm, phân loại, tầm quan trọng của việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; phân



tích làm rõ mục đích của kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; chủ thể kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, đối tượng kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; làm rõ các công cụ kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Phân tích và đưa ra các tiêu chí đánh giá pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Nghiên cứu, làm rõ các yếu tố chi phối hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại tỉnh Quảng Trị; Phân tích để thấy được nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường tại tỉnh Quảng Trị; bao gồm những nguyên nhân về mặt pháp luật và những nguyên nhân trong tổ chức thực hiện pháp luật; Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó tại Quảng Trị.

#### **4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu các lý thuyết về kiểm soát ô nhiễm môi trường nói chung, và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí nói riêng; nghiên cứu các quy định của pháp luật quốc tế về kiểm soát môi trường không khí; nghiên cứu pháp luật của một số nước về kiểm soát môi trường không khí; nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, bao gồm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định có liên quan và thực tiễn thực hiện các quy định đó tại tỉnh Quảng Trị.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về mặt thời gian: Đề tài nghiên cứu từ tháng 01 năm 2015 đến nay.

Về mặt không gian, đề tài nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê.

#### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn đề tài**

Nghiên cứu đề tài luận văn này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn như sau:

- Thứ nhất, bổ sung vào cơ sở lý luận của khoa học pháp lý về kiểm

soát ô nhiễm môi trường không khí;

- Thứ hai, là tư liệu tham khảo trong quá trình đánh giá và hoạch định các chính sách, hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cho các cơ quan nhà nước có liên quan;

- Thứ ba, là tư liệu tham khảo cho các cơ quan ở Quảng Trị trong đánh giá và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.

## **7. Cơ cấu của đề tài**

Đề tài gồm có 3 phần, phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Trong phần nội dung của đề tài gồm có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí

Chương 2: Thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Trị

Chương 3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và nâng cao hiệu quả thực hiện tại Quảng Trị.

## **PHẦN NỘI DUNG**

### **Chương 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

### **1.1. Lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

*1.1.1. Khái niệm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường không khí, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí*

*1.1.1.1. Khái niệm môi trường không khí*

Không khí là một hỗn hợp của các chất khí, không khí không màu, không mùi và không vị, trong không khí có 0,95% oxy, 78,9% nito, 0,93% argon, 0,32% dioxit cacbon. Ngoài ra không khí còn có một số khí hiếm khác như: metan, heli, neon, krypton và hơi nước<sup>2</sup>.

*1.1.1.2. Khái niệm ô nhiễm môi trường không khí*

Ô nhiễm môi trường không khí được hiểu là sự biến đổi của một hay nhiều thành phần không khí, do các chất hóa học, các yếu tố vật lý,

---

<sup>2</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội, (2014), *Giáo trình Luật Môi trường*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2014, trang 165.

*sinh học tồn tại quá mức cho phép gây ra, làm cho không khí không đạt tiêu chuẩn môi trường, tác động xấu đến đời sống, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.*

#### *1.1.1.3. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí*

*Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí là tổng hợp các hoạt động của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân nhằm loại trừ, hạn chế những tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa ô nhiễm môi trường; khắc phục, xử lý hậu quả do ô nhiễm môi trường gây nên.*

#### **1.1.2. Những yêu cầu đặt ra trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

Thứ nhất, việc kiểm soát môi trường không khí luôn phải khẳng định trách nhiệm hàng đầu của nhà nước

Thứ hai, việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí luôn phải thực hiện tại các nguồn có yếu tố gây ô nhiễm không khí

Thứ ba, phải có sự thống nhất, liên kết, hợp tác giữa các địa phương, các quốc gia, vùng lãnh thổ

Thứ tư, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí luôn yêu cầu nền tảng kiến thức, nhận thức cao của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và chủ thể liên quan

Thứ năm, việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí luôn đòi hỏi yêu cầu khoa học, công nghệ hiện đại

#### **1.1.3. Sự cần thiết phải kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

Thứ nhất, ô nhiễm môi trường không khí gây tác hại đặc biệt quan trọng tới sức khỏe con người, quyết định sự sống của con người;

Thứ hai, ô nhiễm môi trường không khí còn là yếu tố đe dọa sự phát triển kinh tế, xã hội;

Thứ ba, ô nhiễm môi trường không khí còn tác động tiêu cực tới khí hậu;

Thứ tư, ô nhiễm không khí đang ngày càng phá vỡ sự cân bằng của hệ sinh thái;

Thứ sáu, ô nhiễm môi trường không khí thường diễn ra với quy mô lớn, với tác động mạnh, nhiều phương diện, tính lây lan cao, và không tự chấm dứt.

#### **1.2. Lý luận của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

##### **1.2.1. Khái niệm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí là tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

nhằm điều chỉnh hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân chủ nguồn thải và các chủ thể khác trong phòng ngừa, dự báo; theo dõi, kiểm tra, giám sát, phát hiện những tác động đến môi trường không khí, hiện trạng môi trường không khí, sự biến đổi của môi trường không khí so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí; ngăn chặn; xử lý ô nhiễm môi trường không khí, đảm bảo cho môi trường không khí được trong lành, sạch đẹp.

### ***1.2.2. Các nguyên tắc căn bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường***

Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành
- Nguyên tắc bảo đảm phát triển bền vững
- Nguyên tắc coi trọng xã hội hóa trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí
- Nguyên tắc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại nguồn
- Nguyên tắc ưu tiên sử dụng biện pháp kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí
- Nguyên tắc người gây ô nhiễm môi trường không khí phải chịu trách nhiệm pháp lý
- Nguyên tắc tăng cường hợp tác quốc tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí

### ***1.2.3. Các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí***

Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần bảo đảm các yêu cầu sau

- Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải bảo đảm được yêu cầu dự báo, cảnh báo về ô nhiễm môi trường không khí
- Pháp luật về kiểm soát môi trường không khí phải bảo đảm yêu cầu phòng ngừa rủi ro
- Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải bảo đảm việc kiểm soát môi trường không khí được thực hiện nhanh chóng, kịp thời
- Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải thể hiện được vai trò của cộng đồng và quy định phù hợp trách nhiệm của cộng đồng trong kiểm soát ô nhiễm không khí
- Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải có cơ chế bảo đảm sự hợp tác giữa các địa phương trong nước, các quốc gia

trong kiểm soát ô nhiễm không khí

#### **1.2.4. Nội dung pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

*Một là*, nhóm quy định về quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường không khí

*Hai là*, nhóm quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường không khí

*Ba là*, nhóm quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí

*Bốn là*, nhóm quy định về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí

*Năm là*, quy định về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí

*Sáu là*, nhóm quy định về xử lý hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Đối với lý luận của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề sau: Một là, khái niệm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Hai là, các nguyên tắc căn bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Ba là, các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Bốn là, những khía cạnh pháp lý căn bản về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí mà pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần điều chỉnh

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

##### **2.1.1. Nhóm quy định về quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường không khí**

*Thứ nhất*, đối với các quy định về quy chuẩn chất lượng môi trường không khí xung quanh

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí xung quanh, gồm: nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với không khí; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với âm thanh, ánh sáng, bức xạ; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với

tiếng ồn, độ rung (điểm d, đ, e, khoản 1 Điều 113). Về quy chuẩn chất lượng môi trường không khí xung quanh ngoài trời, Việt Nam có 3 nhóm quy chuẩn kỹ thuật là: (i) QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh thay thế QCVN 05:2009/BTNMT; (ii) QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh thay thế TCVN 5938:2005; (iii) QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn thay thế cho TCVN 5949:1998, ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 7/10/2009 quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

*Thứ hai, các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải*

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, thì quy chuẩn về khí thải gồm: Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về khí thải của các nguồn di động và cố định. Nguồn thải di động là nguồn thải từ các phương tiện giao thông và nguồn thải cố định là từ các nhà máy, xí nghiệp... gây ra.

Về nhóm quy chuẩn khí thải đối với nguồn thải tĩnh hay Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 gọi là nguồn thải cố định<sup>3</sup>. Để kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí từ các nguồn thải cố định, có các quy chuẩn kỹ thuật như: QCVN 51:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép; QCVN 02:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế; QCVN 19 : 2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20 : 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ; QCVN 21 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học; QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện; QCVN 23 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng);...

### ***2.1.2. Các quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường không khí***

*2.1.2.1. Quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số vấn đề như: (i) khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tài chính (ưu đãi về huy động vốn đầu tư, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, ưu đãi về thuế giá trị gia tăng), đất đai (hỗ trợ về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, ưu đãi về tiền thuê

<sup>3</sup> Theo Điểm b Khoản 2 Điều 113 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

đất, hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và bồi thường) hay hỗ trợ về về giá và tiêu thụ sản phẩm với các cơ sở thân thiện môi trường (trợ giá sản phẩm, dịch vụ về bảo vệ môi trường, hỗ trợ tiêu thụ đối với sản phẩm), cũng như các ưu đãi hỗ trợ khác như hỗ trợ quảng bá sản phẩm, phân loại rác tại nguồn, giải thưởng về bảo vệ môi trường,... cho các tổ chức, cá nhân nhằm đẩy mạnh đầu tư phát triển các ngành kinh tế thân thiện môi trường không khí, như: năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải; (ii) ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường không khí; (iii), áp dụng tiêu chuẩn môi trường đáp ứng yêu cầu tốt hơn về BVMT không khí; gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường không khí với ứng phó với biến đổi khí hậu. Mặt khác, Nhà nước mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về BVMT không khí; thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế về BVMT không khí...

#### *2.1.2.2. Quy định về phát triển bền vững nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Pháp luật Việt Nam hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đã có những quy định về lập chiến lược, quy hoạch, phát triển; lập, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư đến quá trình hoạt động của các công trình và trách nhiệm thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ; vừa quy định về bảo vệ môi trường không khí theo ngành, lĩnh vực, vừa quy định về bảo vệ môi trường không khí theo địa bàn, khu vực; sử dụng đồng bộ các công cụ, các biện pháp bảo vệ môi trường không khí; xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường không khí; quy định rõ hơn trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các chủ thể khác trong hoạt động bảo vệ môi trường không khí; quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các chủ thể khác trong hoạt động bảo vệ môi trường không khí.

#### *2.1.2.3. Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường không khí*

Đối với đánh giá môi trường chiến lược, pháp luật quy định cơ quan được giao lập chiến lược, quy hoạch phải có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, các báo cáo này lập nhằm phân tích, dự báo các tác động của chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế đến môi trường. Sau khi lập xong các báo cáo này sẽ được chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (tùy loại dự án) sẽ thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo. Kết luận của Hội đồng thẩm định là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét phê duyệt chiến

lược, quy hoạch phát triển kinh tế<sup>4</sup>.

*Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường*, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 có sự điều chỉnh về nhiều khía cạnh liên quan đến báo cáo tác động môi trường như: đối tượng phải lập đánh giá tác động môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường, lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường; nội dung chính của báo cáo, thẩm định báo cáo; Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*Đối với quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường không khí*, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định đối tượng phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường là các phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường, tùy trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành gửi ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện hoặc ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền xem xét, xác nhận trước khi triển khai dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Sau đó trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định để xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

*2.1.2.4. Quy định về quản lý khí thải phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý các nguồn gây ô nhiễm. Cụ thể nguồn phát thải khí phải được xác định về lưu lượng, tính chất và đặc điểm của khí thải. Việc xem xét, phê duyệt dự án và hoạt động có phát thải khí phải căn cứ vào sức chịu tải của môi trường không khí, bảo đảm không có tác động xấu đến con người và môi trường. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải,... Bên cạnh đó, các cá nhân, tổ chức chủ nguồn thải không được phép vận chuyển, chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

---

<sup>4</sup>Xem thêm: Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, , Luật Bảo vệ môi trường năm 2014



#### 2.1.2.5. Quy định về dự báo ô nhiễm môi trường không khí

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 rất coi trọng hoạt động này, nên đã điều chỉnh những nội dung nhất định. Cụ thể, dự báo ô nhiễm môi trường, trong đó có ô nhiễm môi trường không khí được quy định là một trong các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cụ thể Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Đặc biệt là đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch<sup>5</sup>.

#### 2.1.2.6. Quy định về áp dụng các công cụ kinh tế nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí

**Về công cụ trợ cấp môi trường.** Trợ cấp môi trường gồm các dạng sau: trợ cấp không hoàn lại, các khoản cho vay ưu đãi, cho phép khấu hao nhanh, ưu đãi thuế. Chức năng chính của trợ cấp là giúp đỡ các ngành công nghiệp, nông nghiệp và các ngành khác khắc phục ô nhiễm môi trường trong điều kiện, khi tình trạng ô nhiễm môi trường quá nặng nề hoặc khả năng tài chính của doanh nghiệp không chịu đựng được đối với việc phải xử lý ô nhiễm môi trường.

**Đối với nhãn sinh thái.** Nhãn sinh thái, còn gọi là nhãn môi trường, là loại nhãn mác cung cấp thông tin cho người tiêu dùng về sự thân thiện hơn với môi trường của sản phẩm so với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại. Pháp luật thì Việt Nam cũng đã có những quy định pháp luật về vấn đề này mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế, như: Quyết định 253/QĐ-BTNMT Chương trình cấp nhãn sinh thái năm 2009 hay Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện môi trường ngày 02/12/2013. Trong Điều 44 Luật Bảo vệ Môi trường 2014 có quy định về sản xuất, sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường, trong đó có chứng nhận về nhãn sinh thái.

#### 2.1.2.7. Quy định về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và cơ chế phát triển sạch nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí

Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định nhằm quản lý giảm thiểu tối đa các khí thải nhà kính và các chất làm suy giảm tầng ozon nhằm thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Cụ thể: lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (Điều 40); Quản lý phát thải khí nhà kính (Điều 41); Quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (Điều 42); Phát

<sup>5</sup> Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

triển năng lượng tái tạo (Điều 43); Sản xuất và tiêu thụ thân thiện môi trường (Điều 44); Thu hồi năng lượng từ chất thải (Điều 45); Quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu (Điều 46); Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu (Điều 47); Hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu (Điều 48).

*Về cơ chế phát triển sạch:* Ở Việt Nam, để thực hiện các cam kết theo Nghị định thư Kyoto nhằm hướng tới phát triển bền vững, đến nay các chính sách, pháp luật về cơ chế phát triển sạch nói chung đã khá hoàn thiện. Cụ thể năm 2006, Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 10/2006/TT-TNMT hướng dẫn xây dựng dự án cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch.

### ***2.1.3. Các quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí***

#### ***2.1.3.1. Quy định về quan trắc hiện trạng môi trường không khí***

Hiện nay, hoạt động quan trắc môi trường không khí được quy định từ Điều 121 đến Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Theo đó, quan trắc môi trường không khí là quá trình theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường môi trường không khí, các yếu tố tác động lên môi trường không khí nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường. Quan trắc môi trường, trong đó có môi trường không khí là trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đánh giá hiện trạng môi trường không khí và là cơ sở để phòng ngừa và phát hiện ô nhiễm môi trường không khí.

#### ***2.1.3.2. Các quy định về thông tin về tình hình môi trường không khí***

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định về thông tin về tình hình môi trường, làm rõ cách hiểu về thông tin môi trường, thông tin môi trường không khí. *Thông tin môi trường không khí là số liệu, dữ liệu về môi trường không khí dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự*<sup>6</sup>. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 có hai phương thức để công chúng tiếp cận thông tin môi trường không khí. *Thứ nhất*, các cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh... chủ động công khai thông tin theo quy định và mọi người đều có thể tiếp nhận những thông tin này. Đối với phương thức này, pháp luật quy định rõ những thông tin buộc phải công khai, hình thức công

<sup>6</sup> Khoản 20 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

khai, người có trách nhiệm phải công khai<sup>7</sup>. Thứ hai, người dân chủ động yêu cầu cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh cung cấp thông tin về môi trường. Chủ thể có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về môi trường, trong đó có môi trường không khí, gồm: tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp<sup>8</sup>, của đại diện cộng đồng dân cư<sup>9</sup> và Chương VIII Nghị định số 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn cụ thể Luật Bảo vệ Môi trường 2014.

#### *2.1.3.3. Các quy định về thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật môi trường không khí*

Luật Thanh tra năm 2010; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đã quy định cụ thể hơn về thanh tra chuyên ngành và Nghị định số 35/2009/NĐ-CP của Chính phủ thì thanh tra môi trường gồm Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra Tổng cục Môi trường và Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường. Thanh tra Bộ và Thanh tra Sở thực hiện việc thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành theo phạm vi quản lý.

#### *2.1.4. Các quy định về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí*

Luật bảo vệ Môi trường năm 2014 quy định chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ. Người tiêu dùng có trách nhiệm chuyển sản phẩm thải bỏ đến nơi quy định. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổ chức việc thu gom sản phẩm thải bỏ<sup>10</sup>. Để cụ thể hóa quy định này Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, người tiêu dùng và tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ trên lãnh thổ Việt Nam.

#### *2.1.5. Quy định về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí*

Cách thức xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường, gồm: a) Xác định phạm vi, giới hạn của khu vực môi trường bị ô nhiễm; b) Xác định mức độ ô nhiễm, đánh giá rủi ro; c) Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan; d) Các giải pháp xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; đ) Xác định các thiệt hại đối với môi trường

<sup>7</sup> Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

<sup>8</sup> Điều 145 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

<sup>9</sup> Điều 146 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

<sup>10</sup> Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

làm căn cứ để yêu cầu các bên gây ô nhiễm phải bồi thường<sup>11</sup>. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định về trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức chủ nguồn thải và cơ quan nhà nước, chủ thể có thẩm quyền trong khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường.

### **2.1.6. Quy định về xử lý hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

#### **2.1.6.1. Trách nhiệm hành chính**

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, hình thức xử phạt hành chính do vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, gồm: cảnh cáo, phạt tiền và các hình thức xử phạt bổ sung khác. Mức phạt tiền cao nhất đối với một hành vi vi phạm pháp luật môi trường của tổ chức là 2 tỷ đồng.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật môi trường còn có thể bị áp dụng thêm các hình thức xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép môi trường tịch thu tang vật, phương tiện. Ngoài ra cá nhân tổ chức còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

#### **2.1.6.2. Trách nhiệm hình sự**

Theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, thì cá nhân có hành vi phạm tội sẽ chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Bộ luật Hình sự gồm: phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, cấm làm công việc nhất định.

#### **2.1.6.3. Trách nhiệm dân sự**

Hiện trách nhiệm dân sự khi vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí được điều chỉnh bởi Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 113/2010/NĐ-CP về xác định thiệt hại môi trường hiện nay là Nghị định số 03/2015/NĐ-CP về xác định thiệt hại môi trường. Còn xác định thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Bộ luật Dân sự 2015.

#### **2.1.6.4. Trách nhiệm kỷ luật**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 160 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 thì trách nhiệm kỷ luật được áp dụng với người đứng đầu tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, công dân, bao che cho người vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng thì tùy tính chất, mức độ vi

<sup>11</sup> Điều 106 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014

phạm mà bị xử lý kỷ luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại tỉnh Quảng Trị**

### **2.2.1. Về tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường**

Qua số liệu khảo sát của Tổng cục Môi trường năm 2018, có thể thấy môi trường không khí ở Quảng Trị, cụ thể là tiếng ồn, nồng độ bụi tại các đô thị như đều vượt quy chuẩn cho phép. Nồng độ khí Nox cũng vượt quy chuẩn cho phép. Điều đáng lưu ý là hiện tượng này không có xu hướng giảm đi<sup>12</sup>. Vấn đề này cũng được thể hiện khá rõ trong Báo cáo quốc gia về môi trường không khí năm 2018, theo Báo cáo này chất lượng môi trường không khí tại Quảng Trị, 5 năm trở lại đây chưa có nhiều cải thiện, chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) tại Quảng Trị vẫn duy trì ở mức tương đối cao,

Số liệu quan trắc từ 2014 đến 2018 cũng cho thấy, nồng độ bụi lơ lửng trong môi trường không khí xung quanh ngày càng có xu hướng gia tăng tại Quảng Trị. Đặc biệt là tại thành phố Đông Hà và Thị xã Quảng Trị, các thị trấn. Đây là những nơi có mật độ giao thông qua lại tương đối lớn, hoặc có các hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển mạnh. Nếu so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT nồng độ này đã vượt ngưỡng cho phép.

Tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, còn tồn tại một vấn đề nan giải là ô nhiễm bụi trong môi trường không khí khá nghiêm trọng. Nồng độ bụi tại rất nhiều điểm vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật.

Về tiếng ồn, tại hầu hết các khu vực xung quanh các khu công nghiệp, mức ồn đo được đều xấp xỉ hoặc vượt quy định theo quy chuẩn.

Ở Quảng Trị, những năm qua chất lượng không khí ở khu vực nông thôn cũng bị ảnh hưởng từ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, không đúng liều lượng gây phát tán một lượng hóa chất độc hại vào không khí.

### **2.2.2. Về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường**

*Thứ nhất, đối với việc thực hiện quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Thực tế cho thấy ở Quảng Trị, để được hưởng một số chính sách này là không hề dễ dàng. Do vậy, tổ chức, cá nhân ở Quảng Trị vẫn gặp

---

<sup>12</sup> Tổng Cục Môi trường, Cục Kiểm soát ô nhiễm (2018), báo cáo: “Kiểm kê phát thải, quan trắc và hiện trạng quản lý chất lượng môi trường không khí tại Việt Nam”.

nhiều khó khăn khi tiếp cận và hiệu quả thực hiện một số chính sách cũng chưa cao.

*Thứ hai, đối với việc thực hiện quy định về phát triển bền vững nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Thực tiễn ở Quảng Trị vẫn chưa đạt hiệu quả. Các dự án đầu tư được triển khai ở Quảng Trị đều áp dụng các công nghệ lạc hậu nên đang là những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm môi trường không khí nói riêng.

*Thứ ba, đối với việc thực hiện quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường không khí*

Những năm qua tại Quảng Trị vẫn đang có sự lúng túng nhất định trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo môi trường chiến lược. Thực tiễn tại Quảng Trị cho thấy, chủ đầu tư có thể không đưa nội dung đánh giá tác động môi trường không khí vào nội dung báo cáo thì cơ quan có thẩm cũng không có cơ sở để trả hồ sơ, mà vẫn buộc phải phê duyệt báo cáo tác động môi trường. Bên cạnh đó cho thấy, việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hiện được các nhà đầu tư thực hiện rất hình thức, đối phó, với tâm lý coi nhẹ môi trường.

Ở Quảng Trị, tỷ lệ lập kế hoạch bảo vệ môi trường chưa cao. Nhiều cơ sở kinh doanh vẫn tồn tại, triển khai hoạt động kinh doanh nhưng không có kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

*Thứ tư, đối với việc thực hiện quy định về quản lý khí thải phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Ở Quảng Trị đó là vấn đề xử lý khí thải hiện nay là một vấn đề nóng nhiều doanh nghiệp lợi dụng tính khuếch tán của môi trường không khí họ đã xả thải trực tiếp ra môi trường mà không qua xử lý các chất gây ô nhiễm, kiểm soát hoạt động xử lý khí thải này thế nào? Có một số ít cụm công nghiệp quy mô lớn ở Quảng Trị, đã có quan trắc riêng của họ. Tuy nhiên, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ kiểm soát thông tin từ hệ thống này như thế nào. Vai trò của các chủ thể này giương như không có đóng góp đáng kể trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị trong thời gian qua.

*Thứ năm, đối với việc thực hiện quy định về dự báo ô nhiễm môi trường không khí*

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 cũng chỉ quy định về dự báo về nguồn thải rắn nhưng chưa có quy định cụ thể nào riêng về dự báo môi trường không khí, khí thải. Điều này dẫn đến việc, ở Quảng Trị, trong quá trình thực hiện các quy định trên chưa có hiệu quả. Việc tra cứu áp

dụng các quy định này đôi lúc vẫn lúc túng, bị động, thậm chí là còn tranh luận về cách thức áp dụng.

*Thứ sáu, đối với việc thực hiện quy định về áp dụng các công cụ kinh tế nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Quỹ Bảo vệ môi trường cấp địa phương, mặc dù đã được thành lập nhưng hầu hết chưa hoạt động được. Nguyên nhân là do chưa tách biệt giữa quản lý hành chính và quản lý tài chính, nên Quỹ địa phương đang được quản lý chặt chẽ về mặt kinh tế - chính sách. Nguồn vốn cho Quỹ địa phương còn hạn chế, do Sở Tài chính quyết định, phần có thể cho vay chỉ dao động từ 10-12 tỷ đồng nên không đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp vay vốn đầu tư bảo vệ môi trường. Ở Việt Nam đến nay chưa ban hành quy định cụ thể về loại phí này<sup>13</sup> nên chưa tạo hiệu quả trong thực hiện tại Quảng Trị. Đối với nhãn sinh thái, có thể nói rằng, ở Quảng Trị, nhãn sinh thái là khái niệm ít người biết đến. Và kể cả những người tiêu thụ hàng hóa có biết đến nhãn sinh thái thì khả năng của họ khi mua các loại hàng hóa đó với giá thành cao hơn là không có.

*Thứ bảy, đối với việc thực hiện quy định về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và cơ chế phát triển sạch nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí*

Về ứng phó biến đổi khí hậu, qua nghiên cứu cho thấy, pháp luật môi trường hiện hành chưa phân định rõ quy định nào là tập trung vào thích ứng với biến đổi khí hậu, còn quy định nào tập trung vào giảm thiểu biến đổi khí hậu. Về phát triển sạch, quyết định số 130/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có quy định về cơ chế ưu đãi về thuế, phí cho những nhà đầu tư đạt tiêu chuẩn về phát triển sạch theo quy định của pháp luật. Song thực tế ở Quảng Trị, không có nhà đầu tư nào đạt được tiêu chuẩn này. Bởi lẽ, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành không có cơ chế ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho những doanh nghiệp thực hiện dự án phát triển sạch như Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg đã nêu. Dẫn đến việc, cho dù có dự án như thế ở Quảng Trị, cũng có thể không được hưởng các ưu đãi về thuế do không có căn cứ trong luật.

### **2.2.3. Về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí**

Mặc dù pháp luật ngày càng được quy định cụ thể theo hướng mở rộng quyền tiếp cận thông tin cho người dân. Tuy nhiên, các quy định này vẫn còn gò bó quyền tiếp cận thông tin môi trường của người dân do phụ thuộc vào việc chủ động công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thông qua đại diện của người dân để tiếp cận mà người dân không được trực tiếp tiếp cận các thông tin này.

---

<sup>13</sup> Nguyễn Trung Thắng, Dương Thị Phương Anh, (2014) “Một số vấn đề về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải ở nước ta” *Tạp chí Môi trường*, số 11.

#### ***2.2.4. Về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí***

Thực tiễn tại Quảng Trị vẫn còn nhiều cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện giao thông còn vi phạm các quy định về tiếng ồn, khí thải, vượt quá quy chuẩn cho phép, nhưng chưa bị xử lý triệt để. Việc người dân tận dụng xe máy được sản xuất từ cuối những năm 70 hoặc những năm 80 của thế kỷ trước làm phương tiện chở hàng hóa, xe thô hàng đã không còn quá xa lạ. tạo ra khói bụi, tiếng ồn, đặc biệt là tại các ngã ba, ngã tư trong giờ cao điểm...

#### ***2.2.5. Về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí***

Thực tế hiện nay tại Quảng Trị, vẫn tồn tại nhiều bức xúc của người dân ở những khu dân cư gần với các khu công nghiệp và làng nghề. Họ cho rằng các khu công nghiệp thải ra một lượng khí thải lớn gây mùi hôi thối và ảnh hưởng sức khỏe của cộng đồng xung quanh. Bên cạnh đó, không khí ở nhiều khu công nghiệp luôn có mùi hôi, thối, khó chịu.

#### ***2.2.6. Về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí***

Một thực tế ở Quảng Trị, đó là hằng năm vẫn phát hiện rất nhiều vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Bên cạnh đó, cơ quan có thẩm quyền cũng đã áp dụng các quy định hiện hành để xử lý, nhưng nhìn chung việc xử lý này không làm cho tình trạng vi phạm giảm xuống như mong đợi.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương 2 luận văn đã nghiên cứu thực tiễn thực hiện các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị theo từng nhóm quy định, đó là. Thứ nhất, các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường. Thứ hai, các quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường. Thứ ba, các quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí. Thứ tư, quy định về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí. Thứ năm, quy định về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí. Thứ sáu, quy định về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường. Ở mỗi nhóm các quy định trên, việc thực hiện ở Quảng Trị đều đang bộc lộ những bất cập, hiệu quả thấp. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập đó. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu nhất vẫn là những hạn chế của pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Cùng với đó, là sự thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu nhận thức trong thực hiện các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị trong thời gian qua.



### Chương 3

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TẠI QUẢNG TRỊ**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

Việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong thời gian tới, cần dựa trên những định hướng sau: *Thứ nhất*, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần phải gắn với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành. *Thứ hai*, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế, cũng như khu vực, đặc biệt là Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. *Thứ ba*, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần gắn với vai trò của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư. *Thứ tư*, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần tập trung vào kiểm soát ô nhiễm tại nguồn nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí. *Thứ năm*, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần đặt ra lộ trình thực hiện.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại tỉnh Quảng trị**

#### **3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí**

*Thứ nhất*, đối với các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí

Trước hết, đó là pháp luật cần phân loại rõ đâu là nguồn thải cố định, đâu là nguồn thải di động để có thể xây dựng được hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về khí thải toàn diện. Thứ nữa, bổ sung hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí đối với lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ và quy chuẩn môi trường không khí sử dụng vào mục đích cụ thể như quy chuẩn. Sau cùng, cần nghiên cứu xây dựng quy chuẩn môi trường không khí trong nhà, đặc biệt lưu ý đến xây dựng quy chuẩn môi trường không khí trong nhà tại các nhà máy, xí nghiệp, các siêu thị, các khu vui chơi, giải trí công cộng,...

*Thứ hai, đối với các quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường không khí*

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 cần sửa lại khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường không khí còn phải tập trung vào hoàn thiện nhóm quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường không khí. Cần bổ sung các quy định cụ thể trong việc đặt ra trách nhiệm cho những chủ thể liên quan trong việc phải đánh giá tác động của dự án tới môi trường không khí, đưa ra những dự báo và những giải pháp cho việc bảo vệ môi trường không khí. Cần phải quy định mức xử phạt hành chính đối với hành vi này sao cho có tính răn đe cao. Bên cạnh đó, nếu những ngành nghề nào đòi hỏi phải có giấy phép kinh doanh thì cho phép cho cơ quan có thẩm quyền tước giấy phép kinh doanh cho đến khi thực hiện nghiêm túc cam kết bảo vệ môi trường không khí. Đối với những ngành nghề không cần giấy phép kinh doanh, nhưng phải đăng ký kinh doanh, cần quy định cơ quan có thẩm quyền được phép tạm giữ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tăng cường kỷ cương trong quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.

*Thứ ba, đối với các quy định về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí*

Tập trung hoàn thiện về biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường. Đây là biện pháp đánh trực tiếp đến lợi ích của người vi phạm vì vậy có hiệu quả rất cao. Cần bổ sung hoàn thiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có hành vi ô nhiễm môi trường không khí.

### ***3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị***

Dựa trên những kết quả nghiên cứu về thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị, cho thấy, bên cạnh những giải pháp hoàn thiện pháp luật, Quảng Trị cần tập trung thực hiện nhóm các giải pháp trong khâu tổ chức thực hiện pháp luật, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nâng cao vai trò của các tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong quá trình hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đối với những chủ thể liên quan về những nội dung cần thiết trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị; Thứ ba, cần tăng cường nguồn lực

tài chính cho quá trình thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Quảng Trị; Thứ tư, tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị; Thứ năm, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho quá trình thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị; Thứ sáu, tăng cường hợp tác giữa các cơ quan ở Quảng Trị với các địa phương khác trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Thứ bảy, khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Chương 3 luận văn nghiên cứu và đề xuất các giải pháp: Thứ nhất, sửa đổi khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí nhằm mở rộng nội hàm, phù hợp với lý luận và yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thứ hai, cần bổ sung các quy định cụ thể trong việc đặt ra trách nhiệm cho những chủ thể liên quan trong việc phải đánh giá tác động của dự án tới môi trường không khí, đưa ra những dự báo và những giải pháp cho việc bảo vệ môi trường không khí. Thứ ba, cần bổ sung các quy định về đánh giá tác động môi trường theo hướng, bắt buộc trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có nội dung đánh giá sự tác động của dự án tới môi trường không khí. Thứ tư, cần phải quy định mức xử phạt hành chính đối với hành vi này sao cho có tính răn đe cao. Bên cạnh đó, nếu những ngành nghề nào đòi hỏi phải có giấy phép kinh doanh thì cho phép cho cơ quan có thẩm quyền tước giấy phép kinh doanh cho đến khi thực hiện nghiêm túc cam kết bảo vệ môi trường không khí. Đối với những ngành nghề không cần giấy phép kinh doanh, nhưng phải đăng ký kinh doanh, cần quy định cơ quan có thẩm quyền được phép tạm giữ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tăng cường kỷ cương trong quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Thứ năm, cần ban hành một Nghị định điều chỉnh riêng về quan trắc môi trường nói chung, trong đó có quan trắc môi trường không khí. Thứ sáu, cần xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ môi trường phù hợp với thực tế, có sự phân định rõ giữa quản trị hành chính và quản trị tài chính; ban hành Nghị định về thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; tăng mức thuế đối với các sắc thuế trong bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng. Thứ bảy, sửa Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những dự án hội đủ điều kiện phát triển sạch như Quyết định

130/2007/QĐ-TTg. Thứ tám, cần quy định mức xử phạt cao hơn nữa đối với những hành vi vi phạm nhằm tăng tính răn đe của biện pháp này.

Đối với nhóm giải pháp trong tổ chức thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, bao gồm các giải pháp: (i) Nâng cao vai trò của các tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong quá trình hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (ii) tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đối với những chủ thể liên quan về những nội dung cần thiết trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (iii) tăng cường nguồn lực tài chính cho quá trình thực hiện pháp luật; (iv) tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (v) đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho quá trình thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (vi) tăng cường hợp tác giữa các cơ quan ở Quảng Trị với các địa phương khác trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (vii) khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân.

## PHẦN KẾT LUẬN

Đối với lý luận của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề sau: Một là, khái niệm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Hai là, các nguyên tắc căn bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Ba là, các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Bốn là, những khía cạnh pháp lý căn bản về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí mà pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần điều chỉnh

Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị, thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, vướng mắc nhất định. Thứ nhất, các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường. Thứ hai, các quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường. Thứ ba, các quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí. Thứ tư, quy định về ngăn chặn ô nhiễm môi trường không khí. Thứ năm, quy định về khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường không khí. Thứ sáu, quy định về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường. Ở mỗi nhóm các quy định trên, việc thực hiện ở Quảng Trị đều đang bộc lộ những bất cập, hiệu quả thấp. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập đó. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu nhất vẫn là những hạn chế của pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Cùng với đó, là sự thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu nhận thức trong thực hiện các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị trong thời gian qua.

Để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quảng Trị trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện 2 nhóm giải pháp, đó là nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và nhóm giải pháp trong tổ chức thực hiện pháp luật.

Đối với nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, theo tác giả luận văn, cần tập trung thực hiện các giải pháp cụ thể: Thứ nhất, sửa đổi khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí nhằm mở rộng nội hàm, phù hợp với lý luận và yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thứ hai, cần bổ sung các quy định cụ thể trong việc đặt ra trách nhiệm cho những chủ thể liên quan trong việc phải đánh giá tác động của dự án tới môi trường không khí, đưa ra những dự báo và những giải pháp cho việc bảo vệ môi trường không khí. Thứ ba, cần bổ

sung các quy định về đánh giá tác động môi trường theo hướng, bắt buộc trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có nội dung đánh giá sự tác động của dự án tới môi trường không khí. Thứ tư, cần phải quy định mức xử phạt hành chính đối với hành vi này sao cho có tính răn đe cao. Bên cạnh đó, nếu những ngành nghề nào đòi hỏi phải có giấy phép kinh doanh thì cho phép cho cơ quan có thẩm quyền tước giấy phép kinh doanh cho đến khi thực hiện nghiêm túc cam kết bảo vệ môi trường không khí. Đối với những ngành nghề không cần giấy phép kinh doanh, nhưng phải đăng ký kinh doanh, cần quy định cơ quan có thẩm quyền được phép tạm giữ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tăng cường kỷ cương trong quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Thứ năm, cần ban hành một Nghị định điều chỉnh riêng về quan trắc môi trường nói chung, trong đó có quan trắc môi trường không khí. Thứ sáu, cần xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ môi trường phù hợp với thực tế, có sự phân định rõ giữa quản trị hành chính và quản trị tài chính; ban hành Nghị định về thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; tăng mức thuế đối với các sắc thuế trong bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng. Thứ bảy, sửa Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những dự án hội đủ điều kiện phát triển sạch như Quyết định 130/2007/QĐ-TTg. Thứ tám, cần quy định mức xử phạt cao hơn nữa đối với những hành vi vi phạm nhằm tăng tính răn đe của biện pháp này.

Đối với nhóm giải pháp trong tổ chức thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, bao gồm các giải pháp: (i) Nâng cao vai trò của các tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong quá trình hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (ii) tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đối với những chủ thể liên quan về những nội dung cần thiết trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (iii) tăng cường nguồn lực tài chính cho quá trình thực hiện pháp luật; (iv) tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (v) đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho quá trình thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (vi) tăng cường hợp tác giữa các cơ quan ở Quảng Trị với các địa phương khác trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; (vii) khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Chính phủ, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;
2. Chính phủ, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP của Chính phủ về xác định thiệt hại môi trường.
3. Chính phủ, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường;
4. Chính phủ, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính
5. Quốc hội, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014.
6. Quốc hội, Luật Thuế bảo vệ môi trường 2010
7. Quốc hội, Luật Khoáng sản 2010;
8. Quốc hội, Luật Đa dạng sinh học 2008;
9. Quốc hội, Luật Dầu khí 2008;
10. Quốc hội, Luật Năng lượng nguyên tử 2008;
11. Quốc hội, Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004;

### B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC

12. Nguyễn Huy Dũng, Vũ Văn Dũng (2010), “Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam: Mối liên hệ với phát triển bền vững và biến đổi khí hậu”, *Tạp chí Môi trường*;
13. Phạm Ngọc Đăng, (2007), "Các thách thức về ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta", *Tạp chí môi trường*;
14. Phạm Ngọc Đăng (2010), "Các giải pháp phát triển giao thông đô thị bền vững - giao thông đô thị xanh ở nước ta", *Tạp chí xây dựng và Quy hoạch*;
15. GSTSKH Phạm Ngọc Đăng, *Quản lý chất lượng không khí tại Hà Nội*, Kỷ yếu Hội thảo ngày 26/7/2005;
16. Vũ Thu Hạnh (2004), Xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học; Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lê Hồng Hạnh, Hà Nội.
17. Bùi Đức Hiền, (2013), “Chính sách, pháp luật môi trường bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội Đảng XI”, *Tạp chí Luật học*;
18. Bùi Đức Hiền (2014), *Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về môi trường và định hướng triển khai*, Trong sách *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Nền tảng chính trị, pháp lý cho công*

cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong thời kỳ mới, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Hà Nội;

19. Trần Quang Huy (2012), *Giáo trình Luật Môi trường*, Trung tâm Đào tạo Từ xa, Đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

20. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật Môi trường*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

21. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;

22. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2000), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học về Luật Môi trường, Luật Kinh tế, Luật Tài chính, Luật Ngân hàng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;

23. Tạp chí Môi trường, (2014), “Châu Á với cuộc chiến chống ô nhiễm không khí”, *Tạp chí Môi trường*;

24. Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

25. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2014), *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb. Công an nhân dân;

27. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2000), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

28. Nguyễn Kim Thoa, (2012), *Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí*, Khoa luận tốt nghiệp, Đại học Luật Hà Nội;

29. Hoàng Dương Tùng – Lê Hoàng Anh (2008), “Báo cáo môi trường quốc gia năm 2007 môi trường không khí đô thị Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*;

30. <http://vnexpress.net/tin-tuc/khoa-hoc/phat-hien-phong-xa-fukushima-o-bo-bien-canada-3178893.html>;

31. <http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/kinhnghiemcuamyvanhat-nd-16633.html>;